

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 29/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Lịch và bà Võ Thị Nguyệt Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (V).

Địa chỉ: Số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 499/UQ-CNQT1-TH ngày 06/12/2024). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Phan Thị Phương Q, sinh năm 1990 và ông Trần Đông A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố C, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q1 (sau đây được gọi là Ngân hàng) và bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A (sau đây gọi là Bên vay) đã ký kết các hợp đồng cho vay sau:

- Hợp đồng cho vay số 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH ngày 15/02/2022. Số tiền cam kết cho vay là 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích mua sắm đồ dùng gia đình. Lãi suất thời điểm nhận nợ là 7.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm. Sau khi chuyển quá hạn, lãi xuất cho vay chuyển sang áp dụng lãi thả nổi là 13%/năm, lãi suất quá hạn 19,5% năm.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số HĐ 3105/2023 ngày 31/05/2023. Hạn mức thẻ tín dụng là 50.000.000 (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng). Thời hạn duy trì hạn mức thẻ là 12 tháng. Mục đích phục vụ tiêu dùng. Lãi suất áp dụng cho dư nợ thẻ là 18%/năm.

Theo các Giấy nhận nợ số 01 ngày 16/02/2022 kèm theo hợp đồng cho vay số 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH, bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 20/3/2022.

Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số HĐ 3105/2023 ngày 31/05/2023, bà Phan Thị Phương Q đã sử dụng hạn mức 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tổng dư nợ Bên vay đã nhận nợ 350.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng) từ Ngân hàng.

Để bảo đảm cho các hợp đồng cho vay, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q1 - Phòng giao dịch thị xã Q với bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A đã ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2401/2022/HĐBĐ/NHCT450-CT917432 ngày 24/01/2022 được công chứng tại Văn phòng C1, số A L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và đã đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 24/01/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Quảng Trị. Theo đó tài sản bảo đảm cho các khoản vay là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại số thửa 639, tờ bản đồ 09, có diện tích 225 m², địa chỉ đất tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 917432, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01907 do Sở T cấp ngày 22/10/2020, cập nhật thay đổi nội dung và cơ sở pháp lý cấp cho bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A vào ngày 12/01/2022.

Kể từ ngày 20/09/2023, bên vay không thanh toán được nợ vay theo thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết trên. Ngân hàng nhiều lần thông báo, liên lạc, làm việc yêu cầu bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A trả nợ vay nhưng Bên vay không hợp tác, không trả nợ vay theo thỏa thuận. Do Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ

theo thỏa thuận, nên Ngân hàng TMCP C đã chuyển các khoản vay trên sang nợ quá hạn kể từ ngày 20/9/2023.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A phải thanh toán theo Hợp đồng số 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH ngày 15/02/2022 với số tiền tính đến ngày 29/05/2025 là 262.691.123 đồng, trong đó: nợ tiền gốc là 210.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 52.691.123 đồng trả và Hợp đồng tín dụng HD 3105/2023 ngày 31/05/2023 với số tiền tính đến ngày 29/05/2025 là 68.731.607 đồng, trong đó: số tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi 18.731.607 đồng. Tổng cộng của 02 hợp đồng nêu trên, số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/05/2025 là 331.422.730 đồng, trong đó: nợ gốc 260.000.000 đồng, nợ lãi 71.422.730 đồng, đồng thời có nghĩa vụ phải trả lãi, lãi phạt phát sinh cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng TMCP C – chi nhánh Q1.

Trường hợp bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A không tự nguyện trả toàn bộ số tiền vay trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp trên theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2401/2022/HĐBĐ/NHCT450-CT917432 ngày 24/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q1 - Phòng giao dịch Thị xã Q với bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A để thu hồi vốn cho Nhà nước theo quy định Pháp luật.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp mà không thu đủ nợ vay trên thì khoản nợ còn lại bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản trình bày ý kiến, không có mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm cho rằng:

Người tiến hành tố tụng đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình chưa tuân thủ đúng quy định các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 117, 299, 320, 321, 322, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi, bổ sung 2017). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng TMCP C tổng số tiền tính đến ngày 29/5/2025 là 331.422.730 đồng, trong đó: nợ gốc 260.000.000 đồng, nợ lãi 71.422.730 đồng

và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 29/5/2025 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 2401/2022/HĐBĐ/NHCT450-CT917432 ngày 24/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q1 - Phòng giao dịch Thị xã Q với bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A đối với phần đất có diện tích 225,0m² tại số thửa 639, tờ bản đồ 09, tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp mà không thu đủ nợ vay trên thì khoản nợ còn lại bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đề ngày 06/12/2024 khởi kiện bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị xác định về quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố C, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị thụ lý vụ án, đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn không có bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH ngày 15/02/2022 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số HĐ 3105/2023 ngày 31/05/2023 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định giao dịch dân sự nói chung và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị

pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên tham gia giao dịch. Do đó hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng nêu trên là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, thấy rằng:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH ngày 15/02/2022, bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A vay 300.000.000 đồng, phải trả nợ gốc và tiền lãi định kỳ hàng vào ngày 20 hàng tháng. Do vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ được chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/09/2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A đã trả nợ gốc đến ngày 20/8/2023 được 90.000.000 đồng. Tính đến ngày 29/5/2025 dư nợ gốc của bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A còn phải trả cho Ngân hàng là 210.000.000 đồng.

Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số HĐ 3105/2023 ngày 31/05/2023, bà Phan Thị Phương Q đã sử dụng hạn mức 50.000.000 đồng. Do bà Phan Thị Phương Q vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 04/10/2023. Tính đến ngày 29/5/2025 dư nợ gốc của bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A còn phải trả cho Ngân hàng là 50.000.000 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C về việc đòi nợ gốc đối với 02 khoản vay trên với số tiền 260.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự)

Về khoản nợ lãi: Theo các Giấy nhận nợ số 01 ngày 16/02/2022 kèm theo hợp đồng cho vay số 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH, bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thời điểm nhận nợ là 7.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm. Sau khi khoản vay chuyển quá hạn Ngân hàng áp dụng lãi suất thả nổi là 13%/năm, lãi suất quá hạn là 19,5%/năm. Thời hạn trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 20/3/2022. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số HĐ 3105/2023 ngày 31/05/2023. Hạn mức thẻ tín dụng là 50.000.000 (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng). Thời hạn duy trì hạn mức thẻ là 12 tháng. Mục đích phục vụ tiêu dùng. Lãi suất áp dụng cho dư nợ thẻ là 18%/năm. Phương thức áp dụng lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần và được tính trên dư nợ vay giảm dần. Do bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A không trả lãi đến hạn theo thuận thuận, nên Ngân hàng đã chuyển khoản vay của hợp đồng số 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH sang nợ quá hạn từ ngày 20/9/2023, tính từ đến ngày 29/5/2025, tổng số tiền nợ lãi của bên vay là 52.691.123 đồng (trong đó: lãi trong hạn 46.890.284 và lãi phạt quá hạn 5.800.839 đồng). Đối với Hợp đồng tín dụng số HĐ 3105/2023 ngày 31/05/2023, Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/10/2023, tiền lãi tính đến ngày 29/5/2025, tổng số tiền nợ lãi là 18.731.607 đồng. Xét hợp đồng tín dụng 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH ngày 15/02/2022, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số

HĐ 3105/2023 ngày 31/05/2023 được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả trên cơ sở tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C tính tiền lãi của 02 khoản vay trên đến ngày xét xử 29/5/2025 là 71.422.730 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2401/2022/HĐBĐ/NHCT450-CT917432 ngày 24/01/2022 được công chứng tại Văn phòng C1, số A L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và đã đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 24/01/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Quảng Trị là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc trách nhiệm giữa các bên. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị thửa đất số 639, tờ bản đồ 09, tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Hội đồng thẩm định kết luận thửa đất số 639, tờ bản đồ 09, tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có diện tích 225m², trên thửa đất không có công trình kiến trúc nào khác, hiện không có tranh chấp. Căn cứ điểm c khoản 5.01 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp nêu trên quy định về xử lý tài sản thế chấp cũng nêu rõ: “Bên nhận thế chấp có quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên thế chấp vi phạm các cam kết và nghĩa vụ của mình...” Như vậy, trong trường hợp bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 639, tờ bản đồ 09, có diện tích 225 m², tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị để thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp đủ. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 117, 299, 320, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C (V).

Buộc bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 331.422.730 đồng (*Ba trăm ba mươi một triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng*), trong đó: tiền gốc 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày 29/5/2025 là 71.422.730 đồng (*Bảy mươi một triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải thanh toán tiền nợ lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1502/2022-HĐCV/NHCT450-PHAN THI PHUONG QUYNH ngày 15/02/2022 kèm theo giấy nhận nợ số 01 ngày 16/02/2022; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng số HĐ 3105/2023 ngày 31/05/2023.

Trường hợp bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2401/2022/HĐBĐ/NHCT450-CT917432 ngày 24/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q1 - Phòng giao dịch thị xã Q với bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 639, tờ bản đồ 09, có diện tích 225 m², đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài, tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị được Sở T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 917432, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01907 ngày 22/10/2020, cập nhật thay đổi nội dung và cơ sở pháp lý cấp cho bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A vào ngày 12/01/2022.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp mà không thu đủ nợ vay trên thì khoản nợ còn lại bà Phan Thị Phương Q và ông Trần Đông A có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Phương Q, ông Trần Đông A phải liên đới chịu 16.571.136 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm bảy mươi một nghìn một trăm ba mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.743.669 đồng (*Bảy triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng*) theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000130 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Q Trị;
- VKSND thị xã QTrị;
- Chi cục THADS thị xã QTrị;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

Nguyễn Thị Liên

